

# TRƯƠNG VĨNH KÝ, con người và sự nghiệp

Lê Văn Đăng

## I. MỘT ẪN SĨ NƠI CHỖN PHỒN HOA

Chi bằng thú phận an tâm, cứ nước mình mà đi,  
Cứ phiên mình mà làm, cứ phận mình mà giữ thì là hơn.

Trương Vĩnh Ký

Chiếc thuyền câu đậu đầu nên đó,  
Ở lúc loạn triều giàu có làm chi.

Câu hát (Miscellanées n<sup>o</sup>1)

Ông nhận mình là ả sĩ. Chính là đại ả sĩ ở giữa cảnh đô thị phồn hoa. Lê Văn Siêu

**Trương Vĩnh Ký** (1837-1898), người xã Cái Mơn, quận Đơn Nhơn, tỉnh Vĩnh Long, con thứ ba của ông Trương Chánh Thi và bà Nguyễn Thị Châu, là một học giả nổi tiếng trong khoảng hậu bán thế kỷ thứ XIX. Ông mồ côi cha từ thuở nhỏ, được mẹ hết lòng nuôi dạy. Lúc sáu tuổi, theo học chữ Nho, rồi học chữ Quốc Ngữ. Với tư chất thông minh, ông biết rất nhiều ngoại ngữ như Pháp, Hán, Xiêm, Lào, Miên, Hy Lạp, La Tinh, Anh, Nhật, Ấn Độ. Ông giảng dạy và là giám đốc trường Thông Ngôn (Collège des Interprètes) trong khoảng 1864-1868. Tháng 8 năm 1869, ông trông coi bài vở cho tờ *Gia Định báo* ra đời năm 1865, tờ báo Việt ngữ đầu tiên ở nước ta, với dụng ý truyền bá chữ Quốc Ngữ, trau dồi văn chương nước nhà. Từ năm 1873, ông dạy chữ Hán và Quốc Ngữ tại trường Tham Biện (Collège des Stagiaires), hai năm sau ông được cử làm chánh đốc học của trường.

**Sự nghiệp văn học** của ông gồm: phiên âm văn Nôm, khảo cứu về khoa học, văn học, và chế độ nước nhà, sưu tầm ca dao, tục ngữ, cổ tích của ta, dịch thuật ngoại văn ra quốc ngữ ... Các tác phẩm của ông có thể chia làm hai loại, phần lớn là sách giáo khoa:

– **Loại sáng tác, khảo cứu, sưu tập chú giải** gồm có *Bài hịch con qua*, *Bất cượng chú cượng làm chi*, *Phép lịch sự Annam*, *Kiếp phong trần*, *Lục súc*, *Ước lược truyện tích nước Annam*, *Chuyện đời xưa*, *Chuyện khôi hài*, *Phong hóa điều hành* (gồm 75 chuyện), *Cờ bạc nha phiến*, *Thịnh suy bỉ thời*, *Học trò khó phú*, *Dur đồ thuyết lược* (Précis de géographie), *Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine*, *Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi* (1875), *Sách dạy chữ Quốc Ngữ*, *Sách dạy chữ Nho*, *Mẹo luật dạy tiếng Pha-lang-sa*, *Petit dictionnaire français-annamite*, và rất nhiều sách viết bằng Pháp ngữ.

– **Loại phiên dịch chú giải** văn Hán Nôm ra chữ Quốc Ngữ gồm có *Kim Vân Kiều*, *Đại Nam Cuộc Sử Kí Diễn Ca*, *Gia huấn ca của Trần Hy Tăng*, *Lục súc tranh công*, *Nữ Tắc*, *Thơ dạy làm dâu*, *Huấn nữ ca của Đặng Huỳnh Trung*, *Phan Trần truyện*, *Lục Vân Tiên truyện*, *Trương Lưu Hầu phú*, *Tam tự kinh*, *Minh tâm bửu giám*, *Tứ Thư: Đại học*, *Trung dung*, *Luận Ngữ* và *Mạnh Tử*.

Lê Văn Siêu, trong Văn Học Sử Kháng Pháp, đã viết về văn nghiệp của ông:

*Thật chưa có gì đáng được kể là tác phẩm lớn. Nhưng giá trị của ông là giá trị của người dùng chữ Quốc ngữ đầu tiên trong việc trước tác để từ đó mở ra một đà tiến mới cho dân tộc.*

*... Sau ông đã có nhiều người nối tiếp công việc của ông nhờ sẵn nền tảng. Nhưng hồi sinh tiền của ông thì trước đã không có ai nên ta cảm thấy cái khó lại càng khó hơn. Đó chính là sự nghiệp mà người đời phải nhớ ơn ông vậy.*

Về thái độ trí thức, Lê Văn Siêu nhận xét:

*Ông được người đời mến chính nhờ thái độ trí thức của ông, là người biết bỏ tham vọng làm quan, để tránh đụng độ trong cái thời thế hết sức khó xử. Ông nhũn nhặn trong vai một người thông ngôn, một viên chức nhỏ, một giáo sư, và một nhà nghiên cứu, không hống hách gây gổ với ai như Tôn Thọ Tường, không nịnh bợ tâng công làm hại ai như Trần Bá Lộc và nhất là không lên mặt dạy khôn ai về chánh trị.*

*Đó là một người khôn hơn cả, khi bị ép phải đứng giữa cuộc tương tranh ông đã mặc người đời, càng quên mình đi lại càng hay, để khỏi phải ngả hẳn một thái độ nào, trắng hay đen lúc ấy cũng đều khó nói và không tiện nói cả. Ông nhận mình là ẩn sĩ. Chính là đại ẩn sĩ ở giữa cảnh đô thị phồn hoa. Ông không góp lời góp ý với bên này hay bên kia, trong cuộc xướng họa thơ giữa Tôn Thọ Tường và Phan văn Trị. Mà trong việc phải làm thông ngôn giữa Nam Triều và chính quyền thuộc địa, ông cũng không ngả hẳn về bên này hay bên nọ để gây khó thêm, mà còn cố dàn hoà để vớt vát được chút gì cho đất nước là hay chút ấy.*

*... Ít có người nào sống giữa thời thế khó khăn như vậy, mà không bị điều tai tiếng gì cả. Bài thơ cuối cùng của ông tự điều mình, càng cho thấy rõ thái độ tri thức nhũn nhặn và đáng mến của ông:*

Quanh quanh quẩn quẩn lối đường quai	逃逃羶羶壩塘乖
Xô đẩy người vô giữa cuộc đời	摠摠馱馱舛局莧
Học thức gởi tên con một sách	學識披銘昆蟻冊
Công danh rớt cuộc cái quan tài	功名弊局丐棺材
Dạo hòn lữ kiến men chân bước	蹠坳僂蜆糞蹟跣
Bò xối con sùng chắc lưỡi hoài	踣潑昆蝶噉舐懷
Cuốn sổ bình sanh công với tội	卷数平生功余罪
Tìm nơi thẩm phán để thưa khai	尋坭審判抵噉開

Dù có người trách thái độ không vấn thân của ông là lẩn trốn hay gì nữa, ông vẫn có quyền không hổ với lương tâm mình là một kẻ sĩ.

Ông mất ngày 1-9-1898, tại chợ quán, thọ 61 tuổi.

## II. MỘT SỐ TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

*Xin chân thành cảm tạ G.S Nguyễn Văn Sâm đã cho mượn tư liệu phong phú về Trương Vĩnh Ký dùng trong phần này. L.V.Đ.*

**1. Phong Hoá Điều Hành** (Morale en Actions) gồm 75 truyện văn xuôi, sưu tập đó đây, với mục đích hướng dẫn người đọc thông biết Phong hoá chính. Soạn giả giới thiệu:

*... Trong sách ta làm đây, có ý giúp dạy phong hóa, mà ăn ở cho phải phép; lại trong sách này, sẽ gặp đặng nhiều gương có danh tiếng những kẻ đã theo phong hóa thật. Sau nữa, cũng gặp những lời ta thêm mà kết đón lại cho đặng hiểu rõ gương ta trướng; lại bằng ai thông thái một ít thì sẽ biết các truyện trong sách này, đã lựa **bởi** sách các tấn sĩ có danh tiếng, mà làm ra ...*

Sau đây là truyện ngắn nhất: 3. Vua Luy thứ XIII.

*Ông lớn kia, tên là de Retz, khuyên vua Luy thứ XIII rằng: Hễ kẻ làm lớn thật, thì phải có lòng thương dân; dầu đang thắng trận khải hoàn, cũng lấy sự thương dân làm trọng hơn mọi sự. Và các kẻ làm lớn, hễ có đi viếng dân, thì chớ khá làm như sông chảy mạnh, mà phá lở các sự ở dọc bờ sông, song phải làm như nước sông đầy, tràn ra các ớn cho dân nhờ mà thôi.*

**2. Cờ bạc nha phiến** (Des jeux de hasard et de l'opium.)

Sách vạch rõ điều hại của hai tai ách lớn trong xã hội, khuyên răn người đời lánh hai cái hư là *Cờ bạc*, *Hút xách*, đã vô ích mà lại thêm hại của tiền, tổn trí, hao sức lực, làm cố cho vợ con phiến hà. Sa cơ nghiêng nghèo, lỗi đạo nhà, mắc phép nước, mà lụy đến mình; phải tội vạ, lia vợ bỏ con, thất thổ vong hương, cực thân khổ nạn chẳng ra gì (trích lời dẫn thơ *Quê phụ đổ yên giải*).

Về cờ bạc, ngoài các nhận xét Pétrus Ký, phân tích lợi hại, Soạn giả có thêm bài thơ của Hai Đức (*Quê phụ đổ yên giải*, Vợ khuyên chồng thơ I & II).

*Cờ bạc ơi là cờ bạc!  
Ấy nát cửa hại nhà, tán gia bại sản, mang nghèo mang khổ, vợ  
chồng phân rẽ, thân sơ thất sở, cũng bởi vì mầy.*

Về nha phiến, có phần tìm hiểu về vật thể, phân tách lợi hại:

*Nha phiến cứu binh như thần, sát nơn như kiếm.  
... Thật thường là những người phong lưu giàu có, nơn cầu vui  
mà mắc tật ghiền, chớ chẳng ai muốn ghiền làm chi. Mà bởi dĩ  
lỡ ra rồi, bỏ đi thì nó sanh đau đớn bệnh hoạn khó lòng, nên  
cũng thả trôi đi vậy cho qua đời.*

Trót vì tay đã nhúng chàm, dại rồi còn biết khôn làm sao đây!  
Sau đó ông sưu tập bốn bài thơ (*Giải nha phiến từ*, *Chước từ*, *Tờ  
để nha phiến*, *Văn tế nha phiến*), dẫn như sau:

*Từ xưa đến nay biết là mấy bài giải Nha phiến, người trí từng  
trả đã làm ra mà chê, cho người ta lánh! Biết là bao nhiêu thơ*

*phú kẻ văn thi đã đặt ra mà bao biếm, cho người ta biết mà  
chừa cái!*

*Ta đem các bài thơ ấy liền sau này, có chú giải cho rõ nghĩa,  
cho người ta tỏ biết, ai ai cũng đồng một tiếng mà chê sự dùng  
nha phiến quá độ, sái cách là thế nào.*

### **3. Cours d'histoire annamite** à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine.

Sách gồm hai tập, viết bằng tiếng Pháp. Tập 1 đã bị thất lạc; tập 2 dày 278 trang, gồm hai triều Lê Nguyễn (Gia Long), trong các năm 1428-1875. Tập sử chấm dứt vào lúc các tỉnh miền Tây lần lượt rơi vào tay giặc Pháp: các tỉnh Vĩnh Long (20-6-1867), Châu Đốc (22-6-1867), Hà Tiên (24-6-1867), thất thủ dưới đề đốc De la Grandière trong vòng bốn ngày!

Saigon: Imprimerie du Gouvernement, 4<sup>e</sup> Édition, 1887; 20cm.

### **4. Đại Nam Cuốc sử kí diễn ca** 大南國史記演歌

Sách do Lê Ngô Cát, quan sử quán (năm Tự-đức thứ 12), soạn vào năm 1860 bằng thơ theo thể 6-8. Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ có thêm niên biểu các đời vua từ Hồng-bàng đến Tự-đức.

Sài Gòn: Bản in nhà nước 1875 . -58 tr. ; 20cm.

Sau đây là trang đầu sách của Lê Ngô Cát và phần phiên âm của Trương Vĩnh Ký.

#### 大南國史演歌

旣秋返會昇平  
耨圭糊歷文明神至  
蘭臺停筆清台  
哪兜國語演喇史撐  
南交羅埃離明  
天書定分伶伶自初  
廢興樹傘局棋  
是非割抵鏢暴夕翹  
計自歪翹炎邦  
初頭固戶鴻龐買黜  
礪蕞炎帝次匹  
蹊泐火德噲羅炎明  
觀風欺駕南行  
哈兜梅領緣生藍橋

#### ĐẠI NAM CUỐC SỬ DIỄN CA

Ngàn thu gặp hội thăng bình,  
Sao Khuê rạng vẻ văn minh giữa trời.  
Lan đài đình bút thanh thời,  
Vâng xem quốc ngữ diễn lời sử xanh.  
Nam-giao là cõi Ly-minh,  
Thiên thư định phận rành rành từ xưa.  
Phế hưng đổi mấy cuộc cờ,  
Thị phi chép để đến giờ làm gương.  
Kể từ trời mở Viêm-bang,  
Sơ đầu có họ Hồng-bàng mới ra.  
Cháu đời Viêm đế thứ ba,  
Nổi dòng Hoả-đức gọi là Đế-minh.  
Quan phong khi giá nam hành,  
Hay đầu Mai-lãnh duyên sanh Lam-kiều.

## 5. **Lục súc** 六畜 Lục súc là sáu con vật người ta nuôi .

Sách mô tả các gia súc: ngựa, trâu, bò, dê, gà, vịt, ngỗng, bồ câu, chó, mèo, và heo. Ngoài bài học luân lý mà soạn giả nêu ra ở đầu sách, 22 trang Lục Súc còn có thể giúp học sinh bậc trung học bổ túc các bài học vạn vật. Ta đem riêng ra đây phân loại, có ý nói dẫn cho rõ hơn, cùng đem cái thơ Lục Súc tranh công là thơ người ta nói vua Thiệu-trị làm ra mà ngăn lòng đình thần hay tranh đua với nhau ...

... Ai đều có phận riêng nấy; ai cũng không sướng hơn ai, mà cũng chẳng cực hơn ai: mỗi người riêng mỗi phận, riêng mỗi kiếp. Nên cứ phân bì ganh gổ nhau làm chi vô ích? Cũng chẳng nên chê bai khinh bạc lẫn nhau vô lối: vì phải nhớ trời đã sinh ra nhơn nhơn các hữu kỳ tài, vật vật các hữu kỳ ích.

Lục súc còn có vẽ đá gà (trang 10-12), bồ câu phú có chú thích (trang 13-18)

Saigon: Imprimerie la Mission, 1887. -22 p.; 25cm.

## 6. **Cổ Kim Gia Định phong cảnh vịnh** 古今嘉定風景詠

Trương Vĩnh Ký sưu tập, dẫn và chú thích.

Cái điệu vịnh Gia Định không rõ là của ai làm. Có người nói của ông Ngô Nhân Tĩnh ngụ xứ Trà Luộc làm ra mà chơi.

... Vịnh nói về địa cảnh đất Sài Gòn thuở trước Tây chưa lấy:

*Phủ Gia Định, phủ Gia Định nhà đủ người no chốn chốn,  
Xứ Sài Gòn, xứ Sài Gòn, ở ăn vui thú nơi nơi ...*

Sau khi Gia Định thất thủ:

*Lũ Tây dương da trắng bạc, mồm gọt giạt, miệng xếch xác, giống  
thần qui thần ma thần sát.*

*Thương thay đất Gia Định! Tiếc thay đất Gia Định!  
Vực thẳm nên cồn, đất bằng nổi sóng ...*

## 7. **Bài hịch con quạ** 排檄昆鷲 (Proscription des corbeaux)

*... Hiệu là ô, tánh vốn tham ô;  
Ở đã chạ, việc ăn cũng chạ ...*

Nguyên tác bằng chữ Nôm, khuyết danh, do P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra chữ Quốc ngữ và dẫn giải cắt nghĩa. Sau đây là lời dẫn ở đầu sách:

*Hịch con quạ, cũng như hịch con chuột (Coi trong sách về Văn thi Annam) là bài văn người ta, không biết là ai cho chắc, làm ra mượn để mà răn ta, có ý dạy kẻ lòng xấu, hay kiếm phương làm hại phá phách kẻ khác, cũng như con quạ, con chuột làm vậy.*

*Văn đặt hay, đối đáp xứng câu chữ cũng đã nên là có tài. Coi mà học trước là biết văn hay, sau nữa là choặng xét mình có tính chi xấu như thể ấy, mà chừa cải đi: Vì thường việc người thì sáng mà việc mình thì quáng.*

## **8. Nữ tặc** 女賊 (Devoirs des files & des femmes)

Nguyên tác bằng chữ Nôm, khuyết danh, do P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra chữ Quốc ngữ và dẫn giải.

Sau đây là lời dẫn ở đầu sách:

*Thiên Nữ tặc này chia ra làm năm khoản. Trước hết dạy về tứ đức nữ công nữ hạnh, nết na con gái phải ở làm sao cho tử tế cho được tiếng gái lành. Thứ hai, khi còn tại gia, phải thờ cha kính mẹ thế nào. Thứ ba, khi đã xuất giá lấy chồng, thì phải tề gia nội trợ làm sao? Ở với chồng làm sao cho phải đạo? Thứ tư, ở sao cho vừa ý đẹp lòng cha mẹ chồng? Thứ năm, khi có thai có nghén phải giữ những điều gì? Phải kiêng cử những vật chi?*

*Thật kẻ làm Nữ tặc này là người từng trải việc đời dạy ăn chín chần không sót điều gì; lời nói không dụng tiếng cao kỳ, cứ thường thiệt sự mà nói rõ ràng dễ hiểu.*

*Ta khuyên con gái biết chữ nàng coi nàng đọc mà suy, hay là học thuộc lòng đi thì lại càng hay; để mà nhớ việc mình phải giữ, phải kiêng, phải dè. Gái mà ở đặng như vậy thì là quý giá lắm; cha mẹ dẫu yêu, chồng con tưng trọng, đẹp mặt nở mày cho tông môn cả hai bên; lại được bia danh ra trong thiên hạ.*

P.J.B.Trương Vĩnh Ký

Saigon: Imprimerie F-H.Schneider 1991. -27 trang; 20 cm.

## **9. Học trò khó phú** 寒儒風味賦 hàn nho phong vị phú (Un lettré pauvre)

Nguyên tác bằng chữ Nôm, trào Lê, tỉnh Hà Nội, học trò Giám, tên Nguyễn Thế Lan làm, P.J.B.Trương Vĩnh Ký chép ra chữ Quốc ngữ và dẫn giải.

Bài phú bắt đầu:

*Thăng cha cái khó!  
Thăng cha cái khó!  
Khôn khéo với ai,  
Vụng về với nó. (1)  
Lúc cực vắn chương chẳng dụng,  
Tiếng quốc ngữ nào không ;  
Khi nghèo kinh huấn khôn thông,  
Lời ngạn ngôn hẳn có. (2)  
Cơn đắc thế tiền nhiều lúa sắn,  
Dầu xa xuôi rừng núi cũng quen ;  
Khi thất-thì ruộng hết nhà không,  
Tuy cật ruột bà con biếng ngó. (3)  
Kìa ai bốn bức lều tranh,  
Nổi đó vài gian nhà cỏ. (4)  
Cần sơ sài khi đậu khi kê,  
Ăn hẩm hút nửa buồng nửa xó. (5) ...*

Và kết cuộc:

*Dầu ai mà :  
Ruộng kim trâu cổ,  
Sớm nở tối tàn; (6)*

*Diệc chung vu thủ tiền lỗ. (7)*

Trương Vĩnh Ký dẫn giải :

- (1) Thằng cha tám mươi kiếp cái sự nghèo sự khó! Khôn với ai thì còn khôn được, chớ với cái khó thì làm sao cũng vụng mà thôi.
- (2) Lời tục hay nói: xách gĩa vay lúa, ai xách gĩa vay chữ, cho nên đều chữ nghĩa văn chương mặc lòng mà nghèo khó, thì cũng chẳng làm gì; khi nghèo thì sách vở cũng lu, lời ngạn ngữ nói thật có. Kinh huấn 經訓 là sách vở.
- (3) Giàu có trong hang cũng kiếm, khó khăn giữa chợ không màng: Phú quý đa nhưn hội, bần cùng thân thích ly 富貴多人會貧窮親釋離.
- (4) Kể sự thể người nghèo: xưa kia cũng có kẻ nghèo ở lều tranh leo heo bốn tấm; nên nổi này mình cũng nhà lá vại căn lều láo
- (5) Ăn sơ sài khi thì đậu luộc, khi thì cháo hột kê, hẩm hút núp lén nửa buổi nửa xó mà ăn.
- (6) Ruộng kim trâu cổ 曠今糶古 là ruộng nay trâu xưa; dầu ai giàu muôn hộ ruộng trâu nhiều mặc lòng, thì cũng như hoa, sớm nở tối tàn chẳng bao lâu đâu.
- (7) Diệc chung vu thủ tiền lỗ 亦終于守錢魯 = cũng rốt về đũa mọi giữ của, đi lại cũng là thằng mọi giữ của đời cho chúng vậ mà thôi. Saigon, bản in nhà hàng C. Guillard et Martinon, 1883.

**10. Thông Loại Khoá Trình** 通類課程 [Miscellanées ou lectures instructives pour les élèves des écoles primaires, communales, cantonales, et les familles, par P.J.B Trương Vĩnh Ký ] 5 xu một số, mỗi tháng một lần, ra được 18 số, [hai số đầu ghi năm 1888, không ghi tháng, 11 trang; số 3 ghi Juillet 1888 12 tháng; các số kế tiếp có ghi tháng năm, 16 trang; tám số đầu ghi 1<sup>re</sup> année (1888), mười số còn lại ghi 2<sup>e</sup> année (1889); các số cuối đổi ra, *Sự Loại Thông Khảo* 事類通考. Từ số 3 Juillet 1888 trở đi có thêm trang *mục lục*. *Thông Loại Khoá Trình* là *học báo* ghi lại truyện xưa tích cũ, thi phú cổ kim, phương ngôn ngạn ngữ, nhưn vật nước Nam, truyện vui giải trí, câu đố câu thai, bài học chữ nhu ngắn gọn, vài câu tiếng phangsa, có cả *coi tướng ca* của Ma-Y thần tướng [số 4(16), aoút 1889]. Có nhiều bài thơ dài đăng liên tiếp trong nhiều số. Qua 18 tập báo mong mỏng này ta có thể hình dung được phần nào con người bác học, đạo đức, nhũn nhặn, hiền lành Trương Sĩ Tài.

*Nhựt trình Vĩnh Ký đề ra,*

日程永記提審

*Soạn thành một bốn để mà coi chơi.* 撰成蔑本抵齋矚制

Qua mục Nhưn vật nước nam, văn tế, bài hịch, ông giới thiệu: Nguyễn Trãi (3), Lý Thường Kiệt (3), Mạc Đĩnh Chi (4), Nguyễn Hiền (5), Phùng Khắc Khoan (6), Võ Tánh, Ngô Tùng Châu (8), Châu Văn Tiếp (9), Nguyễn Tri Phương (14), Nguyễn Bình Khiêm

(15), Hà Tôn Quyền (16), Phan Lương Khê tức Phan Thanh Giản (17). Sau đây là nguyên văn bài nhưn vật nước nam:

Nguyễn Hiền 阮賢

Nguyễn Hiền là người Nam-định ở huyện Thượng-nguyên đời Trần Thái Tông, năm Thiên-ứng chánh-bình (1225) mới có 12 tuổi mà thi đỗ trạng nguyên, vì tuổi nhỏ cho về vinh quy ba năm sau mới dùng làm quan. Thuở mới 7, 8 tuổi, học hành sáng láng quá, thiên hạ kêu là thần đồng. Có ông huyện kia thấy Nguyễn Hiền còn nhỏ mà bận áo rộng xùng xình thì ra câu đối này biểu đối thử:

*Học trò là học trò con, quần áo lon xon là con học trò.*

學徒罍學徒昆, 裙襖輪嗜罍昆學徒.

Nguyễn Hiền liền đối lại rằng:

*Ông huyện là ông huyện thẳng, ăn nói lằng xằng là thẳng ông huyện.*

翁縣罍翁縣倘, 唵訥綾囉罍倘翁縣.

Ông huyện nghe câu đối có khí tượng kẻ lớn thì khen và nói ngày sau sẽ được ăn trên ngời trước người ta.

Đến sau, có lần kia, sứ bên Bắc qua có làm bài thơ như sau này mà đố người ta chiết tự ra cho được.

*Lưỡng nhật bình đầu nhật*      兩日平頭日

*Tứ sơn điên đảo sơn*            四山顛倒山

*Lưỡng vương tranh nhất quốc*   兩王爭一國

*Tứ khẩu tại trung gian*        四口在中間

Cả triều không ai nói đi, ông trạng Hiền mới chiết ra chữ "Điền 田". Sứ Bắc dám kinh tài lấy làm lạ. Người làm quan tới chức công bộ thượng thư, đến khi chết rồi có lập miếu thờ, và cấp ruộng mà phụng tự.

Phần **cho hay** (trong các số 6, 11 đến số cuối), thông báo tin tức, sinh hoạt của tờ báo, v.v.

Số 6, tháng octobre 1888, năm thứ nhứt, **cho hay** nói về việc thay chú giải trong các thơ phú bằng bài rút cương truyện, in ở đầu sách, và việc mong *làng tổng chịu miện trước* mua sách *Tứ thơ, Minh Tâm*.

Số 11, tháng mars 1889, cho ai nấy đặt hay:

*... Xin kẻ coi sách hoặc có thấy lớp lang sắp đặt, hoặc có điều khoản nào chẳng ứng bụng thì xin cho ta hay mà sửa lại. Chánh ý là thuật đạo lành lẽ ngay các đấng tiên thánh tiên hiền khuyên răn, truyền thuần phong mỹ tục xưa nay cho đặt suy cổ nghiệm kim mà bả nhứt tâm hành chánh đạo 把一心行正道 mà thôi ...*



Số 12, tháng april 1889, **cho hay**:

*Ta tính in sách Minh tâm bửu giám ...*

*Như đất là người ta thuận mãi nhiều, thì sau ta cũng sẽ in Đại học, Trung dung, Mạnh tử, Luận ngữ, v.v. ra như vậy nữa, miễn là bán được lấy tiền mà trả tiền tổn phí mà in, cho tiện việc học, thì là toại chí, chẳng kỳ là có lợi.*

Số 1, tháng mai 1889, năm thứ hai, **cho hay**:

*Những người mua năm ngoái từ tháng một, muốn mua luôn năm thứ hai đây nữa thì xin gửi tên họ, quán làng, chỗ ở; còn tiền thì chỗ có nhiều người chung nhau lấy giấy mandat mà gửi thì tiện hơn.*

*12 số năm ngoái, tưởng là đóng nhập lại cho gọn, thì ra giá là 1\$; mà nay ta để 12 số vậy bao lại mà thôi thì cũng y giá trước là 0\$60 cents vậy. Ai muốn mua thì hẳn, sẽ gửi cho.*

Số 2, tháng juin 1889, năm thứ hai, có báo tin:

*Từ nay về sau, ta sẽ chiết những thơ phú dài quá ra từ đoạn để nối tiếp cho đến hết, cho được đem vô cho nhiều thứ: coi một khi một ít, nó không ngán không nhàm. Như Tứ thì khúc vịnh từ tháng giêng cho đến tháng chạp, nay đã trọn hết 12 tháng rồi, muốn coi luôn cho tất thì lấy ra từ số đọc thì đủ hết v.v.*

Số 5, tháng septembre 1889, năm thứ hai, **cho hay** báo tin:

*Nay thơ Lục Vân Tiên in cũng đã gần rồi, in rồi sẽ phát hành khách tại nhà in ... Bản nhỏ bán rẻ tiền cho người ta mua mà coi; chính câu, chính chữ lại không sai chạy nguyên bản.*

*Lại sách Tứ thơ thì ta in từ cuốn là khi Đại học 大學 trước rồi tới Trung dung 中庸 rồi tới Mạnh tử 孟子 rồi tới Luận ngữ 論語 Còn Minh Tâm 明心 thì sẽ in sau; vì chữ chưa có khắc. Khắc cho rồi Minh Tâm thượng hạ 2 cuốn tổn gần 400\$; mà vì không có tiền mà ra trước, nên còn dự dự để lại sau.*

*Xin trong tổng lý làng xã nhà thân hào gia giáo ai mộ đạo muốn sắm cho con cháu học thì ta có âm quốc ngữ một bên chữ; bên kia có lấy nghĩa đen, dưới nghĩa đen có làm nghĩa trắng là nghĩa xuôi tiếng ta cho dễ hiểu, tiện cho người ta học cho mau thông. Ta trông các nơi các xứ biết cho là sách tiện ích để mà học đua nhau mua cho con cháu coi mà giữ nề nếp xưa mà bịn phong hóa lại, thì ta nhờ tiền bạc ấy mà trả tiền tổn phí in ra trăm kia ngàn nọ cho đủ cho thiên hạ dùng, chẳng dám kể công khó nhọc lo làm ra làm chi.*

*Xin quý khách thầy đều quang cố cái chí người gia công lo làm mà phụ lực vào cho thành cuộc.*

Số cuối cùng tháng octobre 1889, **cho hay** báo tin buồn:

*Nay nhân vì bởi không có vốn cho đủ mà in luôn sách Thông Loại Khóa Trình nữa, nên ta cực chẳng đã phải đình in đi cho đến khi các nơi các xứ có người chịu mua trước cho đủ số ít là 2000, 2500 thì mới có lẽ mà in lại nữa được là có tiền mà trả tiền in cho ít nữa là 2/3 thì mới dám lãnh làm luôn; phải có củi đun nấu đun mới được. Phải chi mỗi sở tham biện anh em đồng chí lo giùm cho có được chừng 200, 250 người xin mua mà coi thì có lẽ vốn ấy nhen nhúm mà làm thì còn trông xấp xỉ đủ số phí. Phần thì bây giờ ta*

đang lo in các thơ văn như Vân Tiên, Thuý Kiều, Phan Trần ... lại in sách Minh Tâm, Tứ thơ, nên sợ phí lớn lắm không dám chắc có vốn mà làm cho đủ nữa. Năm ngoái năm nay Thông loại khoá trình có người mua hết thầy chừng ba bốn trăm; nên còn đọng lại nhiều lắm; không biết lấy đâu mà chịu tiền in. Xin văn như học sĩ quang cố; tuy hữu hăng tâm mà vô hữu hăng sản thì biết làm làm sao được?

**11. Thạnh Suy Bỉ Thối Phú** 盛衰否泰賦 (Caprices de la Fortune) P.J.B Trương Vĩnh Ký dẫn và chú giải.

Phú này, gồm 67 câu thơ, nói về làm con người ở đời thì có sự thịnh, sự suy, sự thối bốn lúc đường con Tạo xoay đi vẫn lại ... Việc đời xây vắn dời đổi ... Có vậy mới từng mùi đời, mới biết thịnh suy bỉ thối.

Saigon, bản in nhà hàng C. Guiland et Martinon, 1883.

**12. Ngư Tiêu Trường Điệu** 漁樵長調 (Pêcheur et Bûcheron)

Nguyên tác bằng chữ Nôm, khuyết danh, do P.J.B Trương Vĩnh Ký chép ra chữ Quốc ngữ dẫn giải, và cắt nghĩa chỗ mắt. Sau đây là lời dẫn ở đầu sách:

*Ca này nói về thú kẻ đánh cá, người hái củi, cũng là thú vui trong đời. Vui là lòng đã chán sự đời đi rồi, nên công danh phú quý để mặt đời đua tranh; mình cứ vui non nước rảnh rang một mình.*

*Ngư thì thông dong sớm doi tối vịnh, ngày hứng gió tối giỡn trăng; lưới chày cho no rồi lại thả câu kiếm cá bán mua gạo ăn, vịnh này qua vịnh khác, lưu linh dưới sông dưới nước; nay chích mai đêm, một bầu thế giới vui thăm ai hay?*

*Tiêu thì cứ ngư ngẩn trong rừng trên núi, đi đốn củi vác đem về chợ bán, đổi gạo cơm mắm muối nuôi mình; chỉ nhờ lộc rừng củi quế dung thân, vui non vui nước bạn cùng hữu nai.*

*Người mà an phận thủ thường, tùy thì xử thế là phải lắm. Vì trong phận ở đời, sự nên hư may rủi là việc ở trời, dầu có bôn chôn cũng chẳng đặng, dầu có đổi dời cũng chẳng xong. Chi bằng thủ phận an tâm, cứ nước mình mà đi, cứ phiên mình mà làm, cứ phận mình mà giữ thì là hơn.*

Saigon, Imprimerie de la Mission, 1885.

[Trang bìa in sai chữ NGƯ 漁 ra 魚]

**13. Kiếp Phong-trần** 劫風塵 (Évènements de la Vie).

P.J.B. Trương Vĩnh Ký viết bằng văn xuôi. Công hạ tiện lãm Sĩ-tài Trương Vĩnh Ký tập soạn 公暇便攬士載張永記集撰.

Thử nghe như vật chánh, anh Trương Đại Sĩ giải thích :

*Phong trần nghĩa là gió bụi, chỉ là cái đời tạm đời gởi này, hay đổi dời biến cải, nay vậy mai khác, vui đó buồn đó, giàu đó nghèo đó, sướng đó cực đó ... vinh nhục bỉ thối đắp đổi ; ấy là cuộc bể giâu thương tang.*

Anh Trương nói tiếp :

*Cuộc bể giâu thương tang là cuộc cồn hoá vực, vực hoá cồn ... Trong sách Lý-khí, người ta có luận rằng : Có một ông già kia ở*

*chòi gần mé biển, thấy trong cõi hồng trần này, hể 30 năm thì có một lần biển nhỏ, mà hể 300 năm thì có một lần biển lớn thì trời đất đổi xây cồn hoá nên vực, vực biển hoá nên cồn ; biển cạn thành cồn trồng giầu được cũng có ; đất liền lở sâu thành biển cũng có ...*

Saigon, bản in nhà hàng C. Guillard et Martinon, 1882.

### III. TRÍCH THƯ MỤC TRƯỞNG VĨNH KÝ

#### A. THƯ VIỆN VIỄN ĐÔNG BÁC CỔ HỌC VIỆN

- Abrégé de Grammaire annamite. Saigon, 1867
- Alphabet quốc ngữ en 12 tableaux avec des exercices de lecture. - 4e édition. Saigon, 1887.- 5e éd. Saigon, 1895.
- Bài hịch con quạ. Proscription des corbeaux. Saigon 1983.
- Bất cương, chớ cương làm chi. [Fairs ce que dois.] 2e édition. Saigon, 1885.
- Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876). [Voyage au tonkin en 1876] Saigon, 1881.
- Chuyện đời xưa lạ. Contes annamites. Saigon, 1888.
- Nouvelle édition. Quy Nhơn, 1909.
- Chuyện khôi hài, Passe-temps. Saigon, 1882.
- Cờ bạc nha phiến. Bằng tiếng thường và văn thơ. Des jeux de hasard et de l'opium. En prose et en vers. 2<sup>e</sup> éd. Saigon, 1898.
- Cours d'annamite. Saigon, s.d. (Autogr.)
- Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine. Saigon. 1875-1877, 2 vol.
- Cours pratique de caractères chinois. Saigon, 1875.
- Dư đồ thuyết lược. Précis de géographie. Tân Định (Saigon), 1887.
- Grammaire de la langue annamite. Saigon, 1883.
- Guide de la conversation annamite. 2<sup>e</sup> édition. Saigon, 1885.
- Học trò khó phú. Un lettré pauvre. Saigon, 1883.
- [Lettres sur la naturalisation des indigènes de Cochinchine] - (S.l.n.d.) (Autogr.)
- Lục súc. Les six animaux domestiques. Saigon, 1887.
- Manuel des écoles primaires ou Simples Notions sur les sciences, à l'usage des jeunes élèves des écoles de l'Administration de la Basse-Cochinchine. 1<sup>er</sup> volume: 1<sup>o</sup> Syllabaire quốc ngữ ; 2<sup>o</sup> Histoire annamite; 3<sup>o</sup> Histoire chinoise. Saigon, 1876.
- Mẹo luật dạy học tiếng pha-lang-sa. [Règles pour étudier la langue française.] Saigon, 1872.
- Miscellanées ou lectures instructives pour les élèves des écoles primaires, communales et cantonales. Saigon, 1888-1889, 12 fasc. en 1 vol.
- Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine . 1<sup>e</sup> édition. Saigon, 1875.

- Petit dictionnaire français-annamite. Saigon, 1984.
- Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs. (Conférence faite au Collège des Interprètes). Saigon, 1885.
- Thanh suy bỉ thói phú. Caprices de la Fortune. Saigon, 1883.
- Thầy trò về luật mẹo léo lắt tiếng pha-lang-sa. [Maîtres et élèves sur la grammaire de la langue française.] 2<sup>e</sup> éd. Saigon, 1883
- Ước lược truyện tích nước Annam. Résumé sommaire de la chronologie, de l'histoire et des productions de l'annam, avec tableaux synoptiques. Saigon, 1887.
- Vocabulaire annamite français. Saigon, 1887.
- Ed. Chiêu (Nguyễn Đình). Lục Vân Tiên
- Ed. Cổ Gia Định phong cảnh vịnh
- Ed. Du (Nguyễn) Kim Vân Kiều truyện.
- Ed. Gia Huấn ca
- Ed. Kim Gia Định phong cảnh vịnh
- Ed. Lục súc tranh công. Dispute de mérites entre les six animaux domestiques.
- Trad. Minh tâm bửu giám
- Ed. Nữ Tắc
- Ed. Phan Trần Truyện
- Ed. et trad. sseu-chou
- Ed. thơ dạy làm dâu
- Ed. Trung (Đặng Huỳnh) Huấn nữ ca
- Ed. Trương Lương tùng xích tông tử du phú.
- Ed. Trương-lưu-hầu phú
- Ed. et trad. Wang Pe-Heou. Tsan King.

**B. THƯ VIỆN QUỐC GIA PHÁP**  
(Catalogue du fonds vietnamien 1890-1921)

- Abrégé de grammaire annamite / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký. - Saigon: Impr. Impériale, 1867. - 131p; 25cm. La p. de titre porte: Sách mẹo annam.
- Bài hịch con quạ = Proscription des corbeaux / P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra chữ quốc ngữ dẫn giải cắt nghĩa. Saigon: bản in Guillard et Martinon, 1883. - 7p.; 24cm.
- Cours pratique de langue annamite / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon: Impr. Impériale, 1868. - 69p.; 21cm.
- Dictionnaire français annamite = Tự vị pha-lang-sa giải nghĩa ra tiếng annam / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr. du gouvernement, 1878. -288p; 27cm.
- Dư đồ thuyết lược = Précis de géographie / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr. de la Mission, 1887. - 116p., [6] cartes en coul. ; 20cm. Texte en vietnamien seul. La couv. porte: 輿圖說略

- Đại Nam Cuộc sử kí diễn ca / transcrit en quốc ngữ pour la première fois / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký. - Saigon : bản in nhà nước, 1875. - 58p.; 20cm.
- Grammaire de la langue annamite / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon: C. Guillard et Martinon, 1883. - 304p; 24cm
- Học trò khó phú = Un lettré pauvre. Saigon: Bản in Guillard et Martinon, 1883 . - 6p.; 23cm
- Huân mông khúc ca: sách dạy trẻ nhỏ học chữ nhu ... par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr. de la Mission, 1884 . - 47p.; 24cm. Texte en vietnamien seul. La p. de titre porte: 訓蒙曲歌.
- Kim Vân Kiều truyện = Poèmes populaires annamites trascrits en quốc ngữ ... / par P.J.B Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr. A. Bock, 1889. - 136p.; 16cm. La couv. porte: 1890.
- L'Invariable millieu / transcrit en caractères latins et trad. en annamite / par Petrus Ký. Saigon: Collège des stagiaires, 1875. - 205p.; 33cm. Texte en chinois et en vietnamien.
- Lê Ngô Cát. Phạm Đình Toái.
- Lục súc. Les six animaux domestiques / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr. de la Mission, 1887. - 22p. ; 25cm.
- Lục Vân Tiên truyện = Poème populaire annamite / trascrit en quốc ngữ, précédés d'un résumé analytique ... / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký -4e éd. rev. corr. et aug ... - Saigon: Claude et Cie. 1897. - 99p.; 16cm. La couv. porte: 1890.
- Mẹo luật dạy học tiếng pha-lang-sa: tóm lại văn vấn đề dạy học trò mới nhập trường .../par P.J.B. Trương Vĩnh Ký 1- Saigon: bản in nhà nước, 1867.- 56p.; 23cm. 2- Paris: Challamel Ainé, 1872.- 56p.; 25cm.
- Nữ tặc = Devoirs des filles et des femmes / P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ và đã giải. - Saigon: Impr. F.H. Schneider, 1911. - 27p.; 21cm.
- Ngư tiều trường điệu = Pêcheur le bucheron / P.J.B. Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ .. - Saigon:Impr. de la Mission, 1887, - 8p.; 24cm.
- Petit dictionnaire français–annamite / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon Impr.de la Mission, 1884 . - 1192p.; 20cm.
- Petit dictionnaire français-annamite / par P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Nouv. éd. Saigon: Impr. de l'union Nguyễn Văn Cùa, ill. 1- 1920; 20cm. contient des ill. extraites du Petit Larousse illustré. 2- 1924. - 18 cm. Mêmes remarques.
- Poème Kim Vân Kiều truyện : transcrit pour la première fois en quốc ngữ avec des notes explicatives ... par P.J.B. Trương Vĩnh Ký. - Saigon: bản in nhà nước, 1875. - 179p.; 19cm.
- Tam tự kinh quốc ngữ diễn ca = Le Tam Tự kinh / transcrit et traduit en prose et en vers annamites [par] / P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon: Impr. C. Guillard et Martinon, 1884.- 47p.; 24 cm. Contient le texte en chinois.

- Thanh suy bỉ thói phú = Caprices de la fortune / [Ed.] P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon: bản in Guillard et Martinon, 1883. - 7p.; 23 cm.
- Truyện chơi văn chương = Chrestomathie cochinchinoise: recueil de textes annamites publiés traduits et transcrits en caractères figuratifs, 1<sup>er</sup> fasc. par Abel Des Michels . - Paris: Maisonneuve, pagination multiple; 25 cm. Texte en vietnamien suivi de la traduction française et de la transcription en nôm. La couv. Porte: 傳制文章.
- Truyện đời xưa = Fables et légendes annamites encore inédites / publ. par Đinh Thái Sơn. - In lần thứ hai. - Saigon: Impr: Nam Tài, 1906. - 100p; 19cm. La p. de titre porte: 傳代初. Texte en vietnamien seul.
- Trương Lương tòng Xích Tòng Tử du phú = Retraite et apothéose de Trương Lương / P.J.B Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ và dẫn giải. - Saigon: Impr. Nhà hàng C.Guillard et Martinon, 1881. - 7p.; 24cm.
- Voyage au Tonkin en 1876 = Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876) / P.J.B. Trương Vĩnh Ký - Saigon: Nhà hàng C .Guillard et Martinon, 1881. -32p.; 25cm.. Texte en vietnamien seul. La couv. porte 自述往北圻傳.

C. Bulletin de la Société des Études Indochinoises de Saigon  
[AS 492 S3 n.s. v.9 n° 3]

- Institutions et mœurs annamites. *Philosophie positive*. Nov. déc. 1879, 401-413 ; janv. février 1880, 117-127 ; mars, avril 1880, 256-272.
- Voyage au Tonkin en 1876. Chuyến đi Bắc-kỳ năm Ất-hợi (1876), broch. in-8, 32 p. Saigon, imp. Guillard et Martinon, 1881.
- Bất cưỡng chớ cưỡng làm chi. Fais ce que dois, advienne que pourra. Broch. in-8, 8 p. 1882.
- Kiếp phong trần. – Événement de la vie, broch. in-8, 10 p. 1882.
- Guide de la conversation annamite. Sách tập nói chuyện Annam và tiếng Langsa, broch. in-8, 118 p. 1882.
- Thầy trò về luật mẹo léo lắt tiếng Phalangsa, maître et élève sur la grammaire de la langue Française, broch. in-8, 24 p. 1883.
- Phép lịch sự Annam. Les convenances et les civilités annamites, broch. in-8, 52 p. 1883.
- Chuyện khôi hài. Passe-temps, broch. in-8, 16 p. 1882.
- Chuyện đời xưa lựa nhóm lấy những chuyện hay và có ích. Contes annamites 3<sup>e</sup> édition, broch. in-8, 66 p. 1883.
- Grammaire de la langue annamite. 1 vol. in-8, 304 p. 1884 ; imprimerie Guillard et Martinon.  
*2<sup>e</sup> Edition de poèmes annamites avec notes en annamite.*
- Trương lương tòng xích tòng tử du phú. Retraite et apothéose de Trương lương, 8 p. in-8, 1881.
- Trương lưu hầu phú. Apologie de Trương lương. 18 p. in-8, 1882.
- Học trò khó phú. Un lettré pauvre. 6 p. in-8, 1883.
- Thanh suy bỉ thói phú. Caprice de la fortune, 8 p. in-8, 1883.
- Bài hịch con quạ. Proscription des corbeaux. 8 p. in-8, 1883.
- Cổ Gia đình phong vịnh Gia đình thất thủ vịnh. Saigon d'autrefois, 14 p. in-8, 1882.

- Kim Gia định phong vịnh. Saigon d'aujourd'hui, 12 p. in-8, 1882.
- Nữ tặc. Devoirs des filles et des femmes, 28 p. in-8, 1882.
- Thơ mẹ dạy con. Une mère à sa fille, 12 p. in-8, 1882.
- Thơ dạy làm. La bru, 14 p. in-8, 1882.
- Huấn nữ ca của Đặng huỳnh Trung làm. Défauts et qualités des filles et des femmes (par Dang huynh Trung) 36 p. in-8, 1882.
- Gia huấn ca. École domestique. Un père à ses enfants, 44 p. in-8, 1883.
- Tableaux alphabétiques. – Contes annamites. Saigon, imp. Guiland 1883, broch. in-8.
- Le Tam tu kinh. traduction, 1 vol. in-8, novembre 1884, Saigon.
- Huấn môn khúc ca. 1 vol. in-8, novembre 1884, Saigon.
- Mắc bệnh cúm tử. 1 broch. in-8, Saigon, 1885.
- Ngư tiểu trường điệu (Pêcheur et bûcheron), 1 broch. in-8, Saigon, 1885.
- Saigon et ses environs, 1 broch. in-8, Saigon, 1885. E.R. x 5 – 33.
- Morale en actions. Phong hoá điều hành. 1 broch. in-8, 1885, Saigon.
- Dictionnaire Français-Annamite. 1 vol. in-8, 1885, Saigon.
- Lục súc. Les animaux domestiques. 1 broch. in-8, Saigon, 1885.
- Dispute de mérite entr les six animaux domestiques. 1 broch. in-8, Saigon, 1887.

#### IV. PHỤ LỤC



##### 1. Trường tôi

Vào đầu thập niên 50, trong giờ Vietnamien, tại lớp 4<sup>e</sup> année A, Lycée Pétrus Ký, thầy Ứng Thiều 膺韶, có làm bài tuyệt cú sau đây trong lúc dạy luật thơ. Chúng tôi thêm phần chữ Nôm. Bài thơ *bốn câu ba vần* theo *luật bằng* và gieo vần « i » :

1 2 3 4 5 6 7  
 B B T T T B B vần Trường tôi ở tại lối Nancy  
 T T B B T T B vần Trung học đường kia có bảng ghi  
 T T B B B T T Mượn hiệu người xưa Trương Vĩnh Ký  
 B B T T T B B vần Lấy lòng danh tiếng đã bao thì.

Các chữ số 2, 4, 6 và 7 trong bốn câu phải theo đúng luật *bằng trắc*.

Trường tôi	場碎
Trường tôi ở tại lối Nancy	場碎於在壩能蚩
Trung học đường kia có bảng ghi	中學堂筭固版訖
Mượn hiệu người xưa Trương Vĩnh Ký	擧號馱初張永記
Lấy lòng danh tiếng đã bao thì.	批凌名嗜匏包岢





defectum viribusque desertum non amplius tentant honores. Vita solitaria cum libris maximopere placet cursus rerum spectatori in vespere dierum meorum.

Homo quidem proponit, Deus autem disponit 人願如此如此  
天理未然未然. Many things chance between the cup and the lip. Inter os atque offam multa interveniunt. Nemini omnia prospere cedunt nec quadrata currunt. Nihil tamen est impossibile. Sicque cum dulci spe tibi occurrendi uno die, vale atque iterum vale, mementoque tui toti.

P.T.V.K

*Lê Văn Đặng*

Hải Biên, 2000-2005

